

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 5 năm 2023

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa
Anh M, chị Tr*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị Tr, sinh năm 1989

HKTT: Thôn Thượng Hạ Phán, xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở: Thôn C, xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

(Anh M có mặt, chị Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn anh Nguyễn Đức M có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị Tr có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp ngoài ra vợ chồng đôi khi còn có lời qua tiếng lại với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào tháng 5/2017 chị Tr đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân vợ chồng cũng có liên lạc với nhau qua điện thoại để tìm cách đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đoàn Thị Tr.

Về con chung: Anh và chị Đoàn Thị Tr có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 17/7/2015, ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Tr phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện anh đang đi làm nhân viên cho Công ty TNHH ở các tỉnh Nam Định, tỉnh Thái Bình với mức thu nhập là 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đoàn Thị Tr có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và tại bản tự khai chi trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh M ở thôn Th, xã Q, huyện Quỳnh Phụ. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào tháng 5/2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh M có đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 17/7/2015, hiện cháu Q đang ở cùng với anh M. Ly hôn chị đồng ý để anh Nguyễn Đức M được nuôi dưỡng con chung và không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh M. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Viện kiểm sát không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các

Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh M được ly hôn chị Tr; Giao con chung cháu là Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 17/7/2015 cho anh M nuôi dưỡng, chị Tr không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M. Chị Tr có quyền đi lại thăm nom con chung. Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Nguyễn Đức M và chị Đoàn Thị Tr là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình nhưng đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Tr có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị Tr.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh M, chị Tr được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng vào tháng 5/2017 chị Tr về nhà bố mẹ đẻ ở xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên để hai bên đoàn tụ song không có kết quả, cả anh M và chị Tr đều muốn ly hôn. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Nguyễn Đức M được ly hôn chị Đoàn Thị Tr là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Tr, anh Ba có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 17/7/2015, ly hôn anh M đề nghị Tòa án giao 01 con chung cho anh trực tiếp nuôi

dưỡng và không yêu cầu chị Tr phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cho anh, chị Tr cũng nhất trí. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh M là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình anh M đã nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ngoài ra, cháu Như có nguyện vọng được ở với anh M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Quỳnh Nh cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị Tr phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, chị Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức M và chị Đoàn Thị Tr cùng trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Đức M được ly hôn chị Đoàn Thị Tr.
2. *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 17/7/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh M không yêu cầu chị Tr phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đoàn Thị Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh M, chị Tr có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.
4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Đức M phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004972 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Anh M đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 5 năm 2023). Chị Nguyễn Thị Trang

có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh Hoàng, h. Quỳnh Phụ (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng